

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Liêng.

Thư ký phiên họp: Bà Chu Tường Vy - Thư ký Toà án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương
tham gia phiên họp:* Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 57/2025/TLST-VLĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 38/2025/QĐST-VLĐ ngày 17 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Mai Thị Trúc L, sinh năm 1990; thường trú: Ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của bà L: Bà Lê Đặng Ái L1, sinh năm 2001; địa chỉ: Số C L, Phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/11/2024). Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Công ty Cổ phần Đ; địa chỉ: Số E, xa lộ X, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu M, sinh năm 1967; địa chỉ: Số G, đường số A, khu phố D, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Bảo hiểm xã hội Thành phố Đ; địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3/ Bà Lê Thị T1, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Tại đơn yêu cầu bà Mai Thị Trúc L trình bày:* Từ tháng 12/2007 đến tháng 7/2013, bà Mai Thị Trúc L làm việc ở Công ty TNHH O tại số B đường Đ, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có tham gia bảo hiểm xã hội mã số 9107281381, đã hưởng bảo hiểm xã hội một lần và nộp lại sổ bảo hiểm xã hội. Từ tháng 4/2015 đến tháng 02/2019, bà L tiếp tục làm việc ở Công ty TNHH O và tham gia bảo hiểm xã hội mã số 7408259924, chưa rút bảo hiểm xã hội. Từ tháng 4/2019 đến tháng 02/2021, bà L làm việc ở Công ty TNHH S tại số B, đường Đ, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có tham gia bảo hiểm xã hội mã số 7408259924. Từ tháng 3/2021 đến tháng 6/2022, bà L làm việc ở Công ty TNHH V tại số B, đường Đ, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có tham gia bảo hiểm xã hội, mã số 7408259924. Nay Bảo hiểm xã hội rà soát thì phát hiện thông tin của bà L bị trùng.

Lý do bị trùng: Tháng 9/2008 đến tháng 01/2009, bà L cho bà Lê Thị Thanh M1 thông tin hồ sơ cá nhân để bà T1 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ1 (nay là Công ty Cổ phần Đ) từ tháng 9/2008 đến tháng 01/2009 và có tham gia bảo hiểm xã hội, mã số 7408259924, vì vậy bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 9/2008 đến tháng 01/2009.

Nay, bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Mai Thị Trúc L với Công ty Cổ phần Đ là vô hiệu. Bà L không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Về án phí yêu cầu giải quyết việc lao động thì bà L chịu.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T1 trình bày:* Từ tháng 9/2008 đến tháng 01/2009, bà có mượn thông tin cá nhân của bà Mai Thị Trúc L để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ1 (nay là Công ty Cổ phần Đ) và có tham gia bảo hiểm xã hội mã số 7408259924. Trong khoảng thời gian này bà L đang làm việc tại Công ty TNHH O. Tháng 01/2009, bà T1 nghỉ việc. Sau khi nghỉ việc tại Công ty Cổ phần Đ thì bà T1 không còn sử dụng tên, chứng minh nhân dân, thông tin cá nhân của bà L để đi làm việc ở nơi khác nữa.

Nay đối với yêu cầu của bà L thì bà T1 thống nhất, bà T1 không có ý kiến yêu cầu gì. Bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Về hợp đồng lao động do thời gian đã lâu hiện nay bà T1 không còn lưu trữ gì liên quan đến hợp đồng lao động, cũng như phiếu lương giữa bà T1 với Công ty Cổ phần Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đ trình bày:

Công ty Cổ phần Đ trước đây là Công ty Đ1, qua kiểm tra dữ liệu được lưu trữ tại Công ty Cổ phần Đ có thể hiện: Từ tháng 9/2008 đến tháng 01/2009 Công ty Cổ phần Đ1 có ký hợp đồng lao động với người lao động tên Mai Thị Trúc L, sinh ngày 13/11/1990 tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ 7408259924, đến hết tháng 01/2009 bà L nghỉ việc. Việc người lao động mượn thông tin cá nhân của người khác để giao kết hợp đồng là hành vi lừa dối về mặt chủ thể,

Công ty không thể biết được. Đối với các hồ sơ lao động thì hiện nay do sáp nhập Công ty Cổ phần Đ1 vào Công ty Cổ phần Đ từ năm 2016 nên không còn lưu trữ. Đối với yêu cầu của bà L thì Công ty đồng ý. Công ty không đồng ý ký lại hợp đồng lao động với T1 trong thời gian đã làm việc thực tế tại Công ty, bởi lẽ bà T1 đã có hành vi gian dối Công ty trong việc sử dụng thông tin cá nhân của người khác để giao kết hợp đồng lao động.

- Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần Đ thì Công ty Cổ phần Đ có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Mai Thị Trúc L, sinh năm 1990, căn cước công dân 084190013587 với mã số BHXH 7408259924 từ tháng 9/2008 đến tháng 01/2009. Ngoài ra, bà L còn có số sổ 9107281381 tham gia BHXH từ tháng 5/2008 đến tháng 7/2013 tại Công ty TNHH O. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Mai Thị Trúc L, Bảo hiểm xã hội thành phố D không lưu trữ.

Về các yêu cầu khác của bà Mai Thị Trúc L, Bảo hiểm xã hội thành phố Đ không có ý kiến.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị Trúc L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Mai Thị Trúc L, bà Lê Thị T1, Công ty Cổ phần đầu tư Thái Bình và Bảo hiểm xã hội thành phố Đ có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc lao động vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự thống nhất: Trong thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 01/2009 người lao động tên Mai Thị Trúc L, sinh năm 1990, căn cước công dân 084190013587 được Công ty Cổ phần Đ1 (nay là Công ty Cổ phần Đ) tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số BHXH 7408259924. Quan hệ lao động giữa Công ty Cổ phần Đ và người lao động Mai Thị Trúc L phát sinh từ hợp đồng lao động tháng 9/2008. Quá trình tố tụng, bà Mai Thị Trúc L và bà Lê Thị T1 xác định, người ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần Đ là bà Lê Thị T1 đã sử dụng thông tin cá nhân của bà Mai Thị Trúc L để đi làm việc, do thời điểm ký hợp đồng bà

T1 chưa đủ tuổi để xin việc nên đã mượn thông tin nhân thân của bà L để ký hợp đồng lao động. Đồng thời, trong thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 01/2009, bà L vẫn đang ký hợp đồng lao động và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH O. Lời trình bày của bà L, bà T1 cũng phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội Đ, Bình Dương và hồ sơ bảo hiểm xã hội bà L cung cấp cho Tòa án. Xét thấy, việc bà T1 lấy tên bà L để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó, bà Mai Thị Trúc L yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Mai Thị Trúc L (do bà Lê Thị Thanh M1 tên) với Công ty Cổ phần Đ là có căn cứ theo quy định tại Điều 136, 142 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Mai Thị Trúc L chịu theo quy định.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 15, 16, 49 của Bộ luật lao động;

Căn cứ vào các Điều 136, 142 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào các Điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Mai Thị Trúc L.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Mai Thị Trúc L với Công ty Cổ phần Đ1 (nay là Công ty Cổ phần Đ) là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Mai Thị Trúc L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0007911 ngày 12/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Liễn